

Bản án số: 18/2020/HSPT
Ngày 19-05-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Bình

Ông Hà Viết Toàn

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 23/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Huỳnh Công N do có kháng cáo của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo bị kháng cáo: **Huỳnh Công N (tên gọi khác: Tàng)**, sinh năm 1991, tại Chư S, Gia Lai. Nơi cư trú: thôn 1, xã Ia H, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Huỳnh Công M và bà Lê Thị Ng, có vợ Trương Thị Mỹ H và 02 con, sinh năm 2016, sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1990

Trú tại: thôn 1, xã Ia H, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 08/9/2019 Huỳnh Công N tổ chức uống rượu, hát karaoke tại nhà N cùng với Nguyễn Minh C, Trần Ngọc B, Nguyễn H, Huỳnh Công Q. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày Nguyễn Đức Tr đến tham gia uống rượu và hát karaoke cùng với mọi người, Nguyễn Đức Tr ngồi gần cửa bếp. Trong lúc N đang ngồi uống rượu cùng bạn bè thì chị Trương Thị Mỹ H là vợ của N gọi điện cho N than phiền không có xe làm phương tiện đi lại nên yêu cầu chia tay, ly hôn với N. Lúc này, N nhớ đến việc ngày 01/9/2019 N và Tr đánh bị da chung một cặp bị thua và phải chung độ hát Karaoke hết tổng số tiền là 3.500.000 đồng, Tr trả số

tiền 1.500.000 đồng, số còn lại N không có tiền trả, N hỏi mượn điện thoại của Tr để cầm, thế chấp nhưng Tr không đồng ý cho N mượn điện thoại nên N phải cầm thế chấp lại chiếc xe mô tô của gia đình N dẫn đến N và chị H xích mích, N cho rằng việc chị H bỏ đi là do Tr. Nghe xong điện thoại của chị Hiền, N đi xuống bếp cầm con dao rựa dài 57cm lên đứng gần vị trí Tr đang ngồi, N cầm dao rựa chém từ trên xuống vào người của Tr, thấy vậy thì Tr đang ngồi thì ngã người ra sau, đưa chân phải lên đỡ, N chém trúng một cái vào chân phải của Tr đồng thời N nói “Vì mày mà vợ tao đòi ly dị”, N tiếp tục cầm dao chém tiếp 01 cái nữa vào người Tr, Tr đưa chân trái lên đỡ thì bị chém trúng 01 cái vào cẳng chân trái, được mọi người can ngăn, N cầm dao bỏ chạy ra ngoài, lúc này anh Huỳnh Công S nghe tin N chém người thì chạy lên nhà của N xem sự việc thế nào và gặp N ở cổng ngõ nhà N, N đưa con dao cho anh Sơn xong thì N chạy trốn, Tr bị thương ở hai cẳng chân, được đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện. Đến 19 giờ cùng ngày N đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chư S đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 210/2019/TgT ngày 17/10/2019 của Tr tâm pháp y tình Gia Lai kết luận tổng tỷ lệ thương tích của anh Nguyễn Đức Tr tại thời điểm giám định là 36%.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ sơ thẩm số 04/2020/HSST ngày 05-3-2020 của Tòa án nhân dân huyện Chư S, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Công N phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt Huỳnh Công N 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo N vào trại chấp hành án.

2. Về phần dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Huỳnh Công N tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Đức Tr số tiền 46.668.591 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí, và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại theo luật định.

3. Kháng cáo của bị hại

Ngày 13/3/2020 bị hại Nguyễn Đức Tr kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử tăng hình phạt và tăng mức bồi thường về ngày công lao động, bù đắp tổn thất tinh thần và chi phí tiếp tục điều trị .

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên và không có ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định do suy nghĩ rằng anh Tr là nguyên nhân dẫn đến việc vợ bị cáo phản nản và đòi ly hôn nên bị cáo dùng dao rựa chém anh Nguyễn Đức Tr nhiều nhất với tổng tỉ lệ thương tích là 36% . Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Huỳnh Công N tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng tội.

[2] Về kháng cáo của bị hại:

Về mức hình phạt: xét chỉ vì suy diễn vô cơ mà bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại. Do đó bị cáo đáng bị lên án và bị xét xử với mức hình phạt nghiêm khắc. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ nguyên nhân, hậu quả, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và khai báo thành khẩn hành vi phạm tội, thể hiện ăn năn hối cải bằng việc bồi thường cho phía bị hại 90.000.000đ để kịp thời điều trị, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cũng tự nguyện bồi thường như yêu cầu phía bị hại. Với hành vi phạm tội của bị cáo nêu trên và xét nhân thân bị cáo phạm tội lần đầu, thái độ ăn năn hối cải và tích cực sửa chữa, khắc phục sai phạm và với nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử bị cáo mức án 48 tháng tù và đã nghiêm khắc, tương xứng với hành vi bị cáo gây ra. Bị hại đề nghị tăng hình phạt cho bị cáo với lý do sau phiên tòa sơ thẩm bị cáo bỏ mặc, không tiếp tục bồi thường cho phía bị hại, không có thái độ tích cực với bị hại mặc dù bị hại là bạn của bị cáo từ nhỏ và ở gần nhà bị cáo, còn bị cáo cho rằng gia đình quá khó khăn bị cáo thu nhập quá thấp nên phải tiết kiệm mới đủ bồi thường thêm cho bị hại. Như vậy, lý do bị hại đề nghị tăng hình phạt chỉ là bức xúc thái độ bị cáo và muốn được bồi thường toàn bộ phần còn lại như bản án sơ thẩm tuyên, Hội đồng xét xử đã giải thích cho bị hại về quyền yêu cầu thi hành án và xét thấy kháng cáo về vấn đề này không có căn cứ.

Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường về chi phí điều trị là 98.236.383 đồng, thu nhập thực tế bị mất trong khoảng thời gian điều trị và phục hồi là 40.000.000 đồng, tổn thất tinh thần là 74.500.000 đồng. Xét căn cứ vào sự tự nguyện bồi thường của bị cáo và nhất trí của bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 136.668.591đồng, trong đó chi phí điều trị số tiền 95.468.591 đồng trong khi theo bản kê chi phí bồi thường và các chứng cứ kèm theo do phía bị hại cung cấp ở cấp sơ thẩm thì có rất nhiều chi phí không đúng quy định của pháp luật. Như vậy, là đã có lợi cho bị hại. Lý do bị hại đề nghị tăng bồi thường là thấy mình không có khả năng lao động để có thu nhập như trước đây nên bị cáo cần phải tiếp tục bồi thường do bị hại mất ngày công lao động và bị tổn thương do bị cáo vô cơ chém bị hại. Tuy nhiên, việc bị hại mất ngày công lao động và tổn thất tinh thần đã được tòa án cấp sơ thẩm xem xét tương xứng. Hội đồng xét xử đã giải thích cho bị hại về quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi mức bồi thường khi có căn cứ theo quy định

pháp luật. Tại phiên toàn phúc thẩm bị hại không cung cấp chứng cứ gì nên với lý do bị hại nêu là không phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Việc tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu bị hại nộp tạm ứng chi phí phúc thẩm là chưa đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0002802 ngày 20/03/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai cho bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự,

1. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Huỳnh Công N 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về phần dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Huỳnh Công N tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Đức Tr số tiền 46.668.591 đồng (Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm chín mươi một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trả lại cho bị hại 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0002802 ngày 20/03/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Công an huyện Chư Sê;
- Bị cáo; Bị hại
- Lưu VT, THS, HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hồng